



TỈNH ỦY AN GIANG

*

Số 38-CTr/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị
về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (*gọi tắt là Nghị quyết số 10-NQ/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I- TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đầu tư nước ngoài; từng bước cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính và phát triển hạ tầng. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần bổ sung nguồn lực đầu tư, mở rộng thị trường, tạo việc làm, tăng thu ngân sách, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; một số dự án trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, thương mại - dịch vụ, du lịch, năng lượng, hạ tầng và nông nghiệp ứng dụng công nghệ đã góp phần hình thành hệ sinh thái đầu tư của tỉnh. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 75 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký khoảng 3.010 triệu USD; trong đó có 11 dự án thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và 29 dự án thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc. Toàn tỉnh có 74 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn hoạt động, tổng vốn đăng ký 5.306 tỷ đồng; trong đó có 57 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 50% vốn điều lệ, tổng vốn đăng ký 4.459 tỷ đồng.

Bên cạnh kết quả đạt được, chất lượng, hiệu quả thu hút, quản lý và sử dụng đầu tư nước ngoài của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Các dự án phần lớn có quy mô nhỏ, chủ yếu tập trung ở một số lĩnh vực dịch vụ, du lịch, bán lẻ; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, logistics, giao thông, cảng biển, cảng sông kết nối và quỹ đất sạch phục vụ thu hút dự án quy mô lớn còn hạn chế; chi phí vận tải, chi phí đầu vào còn cao, ảnh hưởng đến sức hấp dẫn của môi trường đầu tư; công tác xúc tiến đầu tư có lúc, có nơi còn dàn trải; cơ sở dữ liệu nhà đầu tư, danh mục dự án, thông tin quy hoạch, đất đai, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư chưa được số hóa, cập nhật thường xuyên; công tác quản lý người nước ngoài làm việc tại dự

án FDI, bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu, kiểm soát nguồn gốc vốn và phòng, chống rửa tiền còn tiềm ẩn khó khăn, rủi ro...

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, An Giang có không gian phát triển biển - đảo - sông - biên giới và lợi thế về kinh tế biển, kinh tế biên giới, nông nghiệp sinh thái, công nghiệp chế biến, logistics, thương mại, du lịch, dịch vụ chất lượng cao. Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW đặt ra yêu cầu phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong tổng thể chiến lược phát triển đất nước, của tỉnh chuyển từ tư duy chủ yếu thu hút vốn sang tư duy phát triển hệ sinh thái đầu tư nước ngoài hiện đại, hiệu quả, bền vững; lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ, đổi mới sáng tạo, liên kết với doanh nghiệp trong nước, đào tạo nhân lực, bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật và an ninh kinh tế làm tiêu chí chủ yếu.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

(1) Quán triệt đầy đủ, sâu sắc Nghị quyết số 10-NQ/TW; thống nhất nhận thức trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị của tỉnh rằng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, là kênh bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn, tiếp nhận công nghệ tiên tiến, phương thức quản trị hiện đại, đào tạo nhân lực, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

(2) Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả, năng lực tự chủ, sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh; mở rộng mạng lưới thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu; góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng trưởng nhanh, bền vững, giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

(3) Chuyển mạnh từ tư duy thu hút vốn theo địa giới hành chính, theo số lượng sang tư duy lựa chọn, phát triển nhà đầu tư chiến lược theo cụm ngành, chuỗi giá trị, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; lấy chất lượng, hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng, công nghệ, chuyển giao công nghệ, đào tạo lao động, phát triển nhà cung ứng, đóng góp ngân sách, bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật làm thước đo chủ yếu.

(4) Phát triển đồng bộ hệ sinh thái đầu tư nước ngoài của tỉnh, gắn với phát triển doanh nghiệp trong nước, kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước, hợp tác xã, vùng nguyên liệu, thị trường vốn, logistics, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, du lịch và dịch vụ chất lượng cao.

(5) Bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, ổn định, nhất quán, chi phí tuân thủ thấp, có khả năng dự báo cao; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; duy trì cơ chế đối thoại,

tiếp nhận, xử lý kịp thời kiến nghị của nhà đầu tư trên nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng dân cư.

(6) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội doanh nghiệp và người dân; phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương nhưng phải bảo đảm thống nhất với chiến lược, quy hoạch, tiêu chí lựa chọn, cơ chế giám sát, kiểm tra và yêu cầu phát triển bền vững.

2. Mục tiêu tổng quát

Quản lý, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư nước ngoài theo hướng có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, liên kết với doanh nghiệp trong nước và đóng góp thực chất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh làm tiêu chí chủ yếu. Phát triển khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trở thành bộ phận quan trọng trong mô hình tăng trưởng mới của tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân từ 11%/năm trở lên giai đoạn 2026-2030, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu; phù hợp mục tiêu đưa An Giang trở thành tỉnh phát triển khá, trung tâm kinh tế biển mạnh, trung tâm logistics sông - biển - biên mậu, du lịch biển - đảo và kinh tế biên giới của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Đến năm 2030

Phấn đấu nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh; chuyển mạnh từ thu hút đầu tư theo số lượng sang thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, thân thiện môi trường, sử dụng hiệu quả đất đai, lao động và tài nguyên, có khả năng lan tỏa, kết nối với doanh nghiệp trong tỉnh.

Giai đoạn 2026-2030, phấn đấu gia tăng số lượng và quy mô các dự án FDI có chất lượng; nâng tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký; tăng mức đóng góp của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vào GRDP, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, xuất khẩu, thu ngân sách và giải quyết việc làm so với giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, từng bước nâng cao đóng góp của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào nguồn thu nội địa của tỉnh. Các chỉ tiêu định lượng hằng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, cập nhật trên cơ sở số liệu chính thức và khả năng thu hút đầu tư thực tế.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh, gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo; chế biến sâu nông sản, thủy sản; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; logistics sông

- biển - biên mậu; du lịch biển - đảo, dịch vụ chất lượng cao; kinh tế số, công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp xanh, công nghiệp sinh học và các ngành có giá trị gia tăng cao.

Phấn đấu phần lớn dự án FDI cấp mới thuộc nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên, sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; không thu hút dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp định hướng phát triển bền vững của tỉnh.

Tăng cường liên kết giữa khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, cơ sở sản xuất và vùng nguyên liệu; hình thành, mở rộng các mô hình liên kết trong chế biến nông - thủy sản, logistics, du lịch, thương mại biên giới, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ chất lượng cao; hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của doanh nghiệp FDI.

Nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh; bảo đảm công khai, minh bạch, ổn định, giảm chi phí tuân thủ và thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho nhà đầu tư. Phấn đấu đến năm 2030, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) xếp hạng 11/34; Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) xếp hạng 05/34; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thuộc nhóm chất lượng điều hành Tốt. Thực hiện mục tiêu cắt giảm 30% thủ tục hành chính, 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính; chuẩn hóa, số hóa quy trình liên quan đến đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, môi trường và theo dõi tiến độ xử lý trên môi trường điện tử.

Thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả khu vực FDI theo vòng đời dự án, gắn với các chỉ tiêu về tiến độ thực hiện, vốn thực hiện, sử dụng đất, lao động, công nghệ, môi trường, nghĩa vụ tài chính, liên kết chuỗi và đóng góp thực chất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.2. Định hướng đến năm 2045

Phát triển khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hiệu quả, bền vững, gắn kết chặt chẽ với kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và các khu vực kinh tế khác; góp phần đưa An Giang trở thành một cực tăng trưởng quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm kinh tế biển - đảo - biên giới, trung tâm logistics sông - biển - biên mậu, du lịch quốc tế và dịch vụ chất lượng cao.

Đến năm 2045, phấn đấu khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gia tăng rõ rệt đóng góp vào GRDP, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, xuất khẩu, thu ngân sách và việc làm của tỉnh; hình thành một số doanh nghiệp, tập đoàn, dự án FDI có quy mô lớn, công nghệ cao, quản trị hiện đại, có khả năng dẫn dắt, lan tỏa và tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

Hình thành hệ sinh thái đầu tư nước ngoài chất lượng cao, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững; từng bước thu hút các trung tâm nghiên cứu - phát triển, trung tâm thiết kế, trung tâm điều hành, trung tâm logistics, trung tâm dữ liệu, trung tâm dịch vụ chất lượng cao và các mô hình đầu tư mới phù hợp với lợi thế của tỉnh.

Phấn đấu khu vực FDI trở thành một trong những động lực quan trọng góp phần hiện thực hóa tầm nhìn phát triển An Giang đến năm 2050 theo Quy hoạch tỉnh: trở thành mô hình phát triển mới trong kỷ nguyên kinh tế xanh và kinh tế tri thức; phát triển dựa trên nông nghiệp sinh thái, công nghiệp xanh, công nghiệp sinh học, năng lượng tái tạo, logistics xanh, kinh tế số và kinh tế biển - đảo.

Các chỉ tiêu chuyên ngành về thu hút, vốn thực hiện, xuất nhập khẩu, thu ngân sách, lao động, công nghệ, môi trường và liên kết chuỗi được Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, cập nhật hằng năm trên cơ sở số liệu chính thức của các cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm thống nhất về phạm vi, phương pháp tính và khả năng theo dõi, đánh giá.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM *(kèm theo Phụ lục)*

1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Quán triệt quan điểm phát triển, thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giá trị gia tăng làm tiêu chí chủ yếu; làm rõ vai trò của FDI trong thúc đẩy phát triển công nghiệp, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực sản xuất, chuyển giao công nghệ và tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong nước.

- Đưa nội dung phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vào chương trình công tác của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến, hỗ trợ, quản lý và giám sát dự án.

- Khắc phục tình trạng cạnh tranh thu hút đầu tư chạy theo số lượng, ưu đãi thấp, sử dụng nhiều đất, tài nguyên, năng lượng, lao động giản đơn; kiên quyết không đánh đổi môi trường, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và lợi ích lâu dài của tỉnh để lấy tăng trưởng ngắn hạn.

2. Hoàn thiện cơ chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

- Rà soát, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các quy định về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, thuế, hải quan, lao động, khoa học - công nghệ, dữ liệu, sở hữu trí tuệ và các lĩnh vực liên quan; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, rà soát cắt giảm thời gian giải quyết, kịp

thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư, nhất là doanh nghiệp FDI; kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn và điểm nghẽn.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên thông trong thẩm định, chấp thuận, điều chỉnh, triển khai và giám sát dự án có vốn đầu tư nước ngoài; chuẩn hóa quy trình, hồ sơ, thời hạn, trách nhiệm của từng cơ quan; hạn chế xin ý kiến trùng lặp, kéo dài, không rõ trách nhiệm.

- Thực hiện quản trị đầu tư trên nền tảng số; công khai quy hoạch, danh mục dự án ưu tiên, quỹ đất, hạ tầng, điều kiện tiếp cận thị trường, thủ tục, biểu mẫu, đầu mối hỗ trợ; hoàn thiện, chuẩn hóa, kết nối và công khai dữ liệu đất đai, quy hoạch, hạ tầng phục vụ nhà đầu tư; liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, từng bước áp dụng nguyên tắc nhà đầu tư khai một lần, cơ quan nhà nước sử dụng nhiều lần.

- Chuyển dần từ ưu đãi đầu vào sang hỗ trợ theo kết quả thực hiện cam kết; ưu tiên dự án công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, đóng góp lớn cho đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, đào tạo lao động, phát triển nhà cung ứng và nâng cao giá trị gia tăng tại tỉnh.

3. Đổi mới định hướng thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực, địa bàn

- Xây dựng danh mục mở các ngành, lĩnh vực, công nghệ và địa bàn ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài giai đoạn 2026 - 2030, định kỳ rà soát, cập nhật phù hợp với Quy hoạch tỉnh, nhu cầu thị trường, năng lực hạ tầng, quỹ đất, yêu cầu bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và lợi ích của tỉnh.

- Ưu tiên thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo, chế biến sâu nông sản, thủy sản; công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghiệp sinh học, cơ khí - điện tử và thiết bị phục vụ nông nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, sạch, hữu cơ, tuần hoàn và nuôi biển bền vững; năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; logistics hiện đại gắn với cảng, cửa khẩu và các trục giao thông chiến lược; kinh tế số, dữ liệu, thương mại điện tử; du lịch biển - đảo, du lịch sinh thái, văn hóa, dịch vụ quốc tế và dịch vụ chất lượng cao.

- Tập trung thu hút dự án vào các cực tăng trưởng, vùng động lực và hành lang kinh tế chủ đạo: Phú Quốc, Thổ Châu, Kiên Hải; Rạch Giá - Long Xuyên - Châu Đốc; Châu Đốc - Tịnh Biên - Hà Tiên - Tân Châu; các khu kinh tế cửa khẩu; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hệ thống cảng biển, cảng sông, cảng cạn, sân bay, trung tâm logistics và vùng nguyên liệu.

- Đối với địa bàn còn khó khăn, thu hút đầu tư phải phù hợp điều kiện thực tế, có lộ trình nâng dần chất lượng, không hình thành mặt bằng ưu đãi thấp, không tiếp

nhận dự án có nguy cơ ô nhiễm, công nghệ lạc hậu, sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng kém hiệu quả.

4. Nâng cấp hạ tầng chiến lược, quỹ đất sạch và dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư

- Tập trung đầu tư, huy động nguồn lực phát triển hạ tầng giao thông đa phương thức, logistics, cảng biển, cảng sông, cảng cạn, sân bay, cửa khẩu, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế và hạ tầng xã hội phục vụ người lao động; ưu tiên các trục kết nối Châu Đốc - Long Xuyên, hành lang biên giới, hành lang sông Tiền - sông Hậu, các tuyến kết nối Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc và hệ thống cảng, cửa khẩu của tỉnh.

- Rà soát, tạo lập và quản lý hiệu quả quỹ đất; chuẩn bị mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật và điều kiện pháp lý để thu hút dự án quy mô lớn, dự án chiến lược. Đẩy mạnh mời gọi đầu tư phát triển các khu công nghiệp mới theo quy hoạch; tập trung hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp hiện hữu và thu hút nhà đầu tư thứ cấp; phát triển theo hướng sinh thái, thông minh, chuyên ngành, gắn với vùng nguyên liệu, đô thị, logistics, cảng biển, cảng sông và cửa khẩu.

- Bảo đảm cung ứng ổn định điện, nước, viễn thông, hạ tầng số và dịch vụ xử lý môi trường; đẩy nhanh đầu tư lưới điện, trạm biến áp, hạ tầng đầu nối, hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải tập trung. Ưu tiên năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải carbon; từng bước chuyển đổi khu công nghiệp hiện hữu và quản lý khu công nghiệp mới theo định hướng khu công nghiệp sinh thái.

- Khai thác hiệu quả lợi thế APEC 2027, Phú Quốc, kinh tế biển - đảo, kinh tế biên giới và các hành lang kết nối Mê Công để quảng bá, thu hút đầu tư vào hạ tầng chiến lược, du lịch chất lượng cao, logistics, dịch vụ quốc tế và đổi mới sáng tạo.

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài

- Xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực gắn với nhu cầu của các ngành, lĩnh vực ưu tiên, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm liên kết ngành, dự án chiến lược và nhà đầu tư nước ngoài; tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Ưu tiên đào tạo nghề, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, logistics, du lịch chất lượng cao, dịch vụ tài chính - thương mại, công nghệ số, dữ liệu, tự động hóa, kỹ thuật điện - cơ khí, năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao, quản trị sản xuất và quản trị chuỗi cung ứng; góp phần thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm mới bình quân khoảng 40.000 lao động/năm của tỉnh.

- Đưa yêu cầu, khuyến khích hoặc cam kết đào tạo, sử dụng lao động địa phương, chuyển giao kỹ năng quản lý, kỹ thuật, vận hành, nghiên cứu, thiết kế vào

quá trình xem xét dự án phù hợp quy định pháp luật; theo dõi kết quả thực hiện trong quá trình hậu kiểm.

- Hoàn thiện chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nhà sáng lập, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có trình độ cao đến làm việc, nghiên cứu, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, điều hành dự án tại An Giang, nhất là tại Phú Quốc, các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị trung tâm và cơ sở đào tạo.

6. Thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển giao công nghệ và liên kết với khu vực kinh tế trong nước

- Khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cam kết về công nghệ, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, phát triển nhà cung ứng trong nước, tỷ lệ giá trị gia tăng tại địa phương, đào tạo lao động, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và công bố nhu cầu mua sắm, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quản trị.

- Xây dựng chương trình phát triển nhà cung ứng của tỉnh, hình thành cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, cơ sở sản xuất có khả năng tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, tài chính, công nghệ, chứng nhận chất lượng và năng lực giao hàng.

- Khuyến khích liên doanh, liên kết, mua bán, sáp nhập, góp vốn, mua cổ phần, mua công nghệ, tiếp nhận chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật; kiểm soát chặt chẽ rủi ro về quốc phòng, an ninh, dữ liệu, tài chính, đất đai, hạ tầng trọng yếu.

- Ưu tiên các dự án FDI xanh, tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên bền vững, đáp ứng khung tiêu chuẩn ESG; tăng cường giám sát môi trường, phát thải, nước thải, chất thải, hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên và năng lượng.

7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư

- Đổi mới căn bản xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu, hướng tới nhà đầu tư chiến lược, dự án chiến lược và chuỗi giá trị cụ thể; chuyển từ xúc tiến dàn trải sang tiếp cận, vận động, đàm phán, đồng hành và hỗ trợ sau cấp phép.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn hàng đầu, định chế tài chính, quỹ đầu tư, trung tâm đổi mới sáng tạo, viện nghiên cứu, tổ chức xúc tiến, hiệp hội doanh nghiệp theo từng thị trường, từng nhóm ngành và từng địa bàn; ưu tiên các đối tác có công nghệ, vốn, quản trị hiện đại.

- Xây dựng hình ảnh An Giang là điểm đến đầu tư ổn định, an toàn, minh bạch, có lợi thế biển - đảo - biên giới - nông nghiệp - logistics - du lịch, chính quyền đồng hành, hạ tầng từng bước hoàn thiện, nguồn nhân lực được nâng cao, định hướng phát triển xanh và số rõ ràng.

- Duy trì đối thoại định kỳ với doanh nghiệp FDI, nhà đầu tư chiến lược; thiết lập cơ chế tiếp nhận, phân loại, xử lý, theo dõi kiến nghị; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho dự án hiện hữu, khuyến khích mở rộng dự án có chất lượng cao, có đóng góp thực chất cho tỉnh.

8. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hậu kiểm và quản trị rủi ro đối với đầu tư nước ngoài

- Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng đi đôi với kiểm tra, giám sát, điều phối liên ngành và trách nhiệm giải trình; xác định rõ cơ quan đầu mối quản lý, theo dõi, hỗ trợ và giám sát từng dự án trong suốt vòng đời dự án.

- Tổ chức thực hiện bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi được Trung ương ban hành; trong thời gian chờ hướng dẫn, tỉnh chủ động xây dựng tiêu chí theo dõi về vốn thực hiện, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo lao động, liên kết nhà cung ứng, đóng góp ngân sách, xuất khẩu, bảo vệ môi trường, sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng, tuân thủ pháp luật và an ninh kinh tế.

- Tăng cường phòng, chống chuyển giá, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, góp vốn bằng máy móc, thiết bị lạc hậu hoặc khai khống giá trị; phối hợp xác minh nguồn gốc vốn, chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng, sở hữu chéo, giao dịch có rủi ro cao và dấu hiệu rửa tiền; giám định độc lập giá trị vốn góp, công nghệ, máy móc, thiết bị khi cần thiết.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư; xử lý kịp thời trường hợp không thực hiện đúng cam kết, chậm tiến độ, sử dụng lãng phí đất đai, tài nguyên, năng lượng, vi phạm môi trường, lao động, thuế, hải quan, an ninh trật tự; thu hồi ưu đãi hoặc áp dụng biện pháp phù hợp theo quy định pháp luật.

- Hoàn thiện cơ chế rà soát, phối hợp thẩm định và quản trị rủi ro đối với dự án, giao dịch liên quan đến lĩnh vực, địa bàn, doanh nghiệp, công trình, hạ tầng trọng yếu, nhạy cảm về quốc phòng, an ninh, dữ liệu, tài nguyên, môi trường; bổ sung tiêu chí xem xét đối với khu vực biên giới, biển, đảo; tăng cường quản lý lao động người nước ngoài, an ninh mạng và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, bảo đảm đúng thẩm quyền, không tạo rào cản không cần thiết đối với hoạt động đầu tư hợp pháp.

9. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp đặc thù; tăng cường phát triển đảng viên, tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức đại diện người lao động theo quy định; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và người lao động trong

xây dựng, thực thi, giám sát chính sách về đầu tư nước ngoài; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của doanh nghiệp và người lao động.

- Tôn vinh, khen thưởng kịp thời nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp FDI, doanh nhân, chuyên gia, người lao động có đóng góp thực chất, dài hạn, tích cực cho mục tiêu phát triển của tỉnh; đồng thời xử lý nghiêm trường hợp vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, an ninh trật tự và quyền lợi người lao động.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Chương trình hành động này; định kỳ hằng năm nghe báo cáo, cho ý kiến chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chỉ đạo rà soát, bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của Trung ương.

Phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phụ trách địa bàn trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động này tại đảng ủy được phân công phụ trách.

2. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết số 10-NQ/TW và Chương trình hành động này của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đến chi bộ, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện phù hợp chức năng nhiệm vụ, đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện.

Định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động này với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo cụ thể hóa Chương trình hành động này của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thành các đề án, chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ đạo các sở, ngành thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành; bố trí, lồng ghép nguồn lực từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện.

Chỉ đạo rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách của tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi cho triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức việc tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Chương trình hành động này của Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh; định hướng thông tin, truyền thông, tạo sự thống nhất nhận thức, đồng thuận xã hội trong phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Đảng ủy Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Chương trình hành động này của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

6. Đảng ủy Cơ quan Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, ban hành theo thẩm quyền các nghị quyết, cơ chế, chính sách đặc thù của Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Chương trình hành động này của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trên địa bàn tỉnh; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

7. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu triển khai các nội dung theo Chương trình hành động này; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Cơ

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Các đ/c ban đảng TW phụ trách địa bàn;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các cơ quan TMGV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đảng ủy VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Lê Quang Tùng

PHỤ LỤC
MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
SỐ 10-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Chương trình hành động số 38-CTr/TU,
ngày 21/8/2026 của Tỉnh ủy)

STT	Nhiệm vụ trọng tâm bám sát Nghị quyết số 10-NQ/TW	Cơ quan chỉ đạo/chủ trì tham mưu	Thời gian	Sản phẩm, kết quả định hướng
1	Quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 10-NQ/TW và Chương trình hành động; thống nhất nhận thức về vai trò của FDI và yêu cầu chuyển từ thu hút vốn sang phát triển FDI chất lượng, hiệu quả.	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Năm 2026 và thường xuyên	Kế hoạch, tài liệu, hội nghị quán triệt, tuyên truyền.
2	Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động; rà soát số liệu, mục tiêu, chỉ tiêu; phân công nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, khả thi.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2026 và hằng năm	Kế hoạch của UBND tỉnh; cơ chế theo dõi, tổng hợp, báo cáo; phân công nhiệm vụ theo chức năng.
3	Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện cơ chế, quy trình phối hợp trong các lĩnh vực liên quan đến đầu tư nước ngoài; cải thiện môi trường đầu tư minh bạch, ổn định, giảm chi phí tuân thủ, hạn chế chồng chéo, kéo dài.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	2026-2027	Văn bản chỉ đạo, quy trình/quy chế phối hợp; kiến nghị tháo gỡ điểm nghẽn theo thẩm quyền.

STT	Nhiệm vụ trọng tâm bám sát Nghị quyết số 10-NQ/TW	Cơ quan chỉ đạo/chủ trì tham mưu	Thời gian	Sản phẩm, kết quả định hướng
4	Định hướng thu hút và xúc tiến FDI có chọn lọc theo ngành, lĩnh vực, địa bàn, cụm ngành, chuỗi giá trị; ưu tiên nhà đầu tư chiến lược, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và liên kết với doanh nghiệp trong nước.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	2026-2030	Danh mục định hướng thu hút FDI; chương trình xúc tiến đầu tư trọng tâm.
5	Phát triển các điều kiện nền tảng của hệ sinh thái FDI: khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, logistics, hạ tầng số, năng lượng, quỹ đất sạch, dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư và nguồn nhân lực chất lượng cao.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các đảng ủy địa phương có liên quan	2026-2030	Chương trình, kế hoạch, dự án phát triển hạ tầng, quỹ đất, dịch vụ hỗ trợ và nhân lực.
6	Thúc đẩy liên kết FDI với doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã, vùng nguyên liệu; phát triển nhà cung ứng, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	2026-2030	Chương trình/kế hoạch phát triển nhà cung ứng, liên kết chuỗi, chuyển giao công nghệ.
7	Tăng cường quản trị vòng đời dự án, hậu kiểm, đánh giá hiệu quả; phòng, chống chuyển giá, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ; kiểm soát nguồn gốc vốn, lao động người nước ngoài, an ninh mạng, dữ liệu, môi trường và rủi ro về quốc phòng, an ninh; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy	Thường xuyên; sơ kết 2028; tổng kết 2030	Báo cáo hậu kiểm, giám sát; báo cáo sơ kết, tổng kết; kiến nghị xử lý, hoàn thiện chính sách.